

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN BÁ HÒA*

Ngày nhận bài: 10/06/2017; ngày sửa chữa: 28/08/2017; ngày duyệt đăng: 30/08/2017.

Abstract: To meet the needs of improving the quality of training teachers of Physical Education (PE), curriculum must be paid much attention because this is one of important factors that determine the quality of training. Therefore, evaluation of situation of the syllabus applied at Hanoi National University of Education is required to point out its strengths and weaknesses. This is also the foundation for the suggestions for curriculum development to meet the needs of education reform in current period.

Keywords: Curriculum, Physical education, Hanoi National University of Education

1. Đặt vấn đề

Để đáp ứng chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSP HN) đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, Nhà trường đã tiến hành đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, với các giải pháp đồng bộ như tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học, đổi mới kế hoạch đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên (GgV),... Trong đó, vấn đề xây dựng, bổ sung cập nhật hay đổi mới chương trình đào tạo cũng như chương trình môn học là công việc được nhà trường quan tâm và ưu tiên hàng đầu. Do đó, việc đánh giá chất lượng đào tạo được Nhà trường đặc biệt quan tâm.

Chương trình đào tạo giáo viên (GV) của Trường ĐHSP HN hiện nay đang bộc lộ một số bất cập nhất định. Đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất (GDTC) là vấn đề cấp thiết hiện nay. Trong bài báo này, chúng tôi sẽ nghiên cứu đánh giá thực trạng chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC thông qua khảo sát chương trình, GgV, chất lượng sinh viên (SV) tốt nghiệp, khảo sát một số nhà trường với tư cách là đơn vị sử dụng sản phẩm đầu ra của khoa GDTC.

2. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu: Để thực hiện nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp thống kê toán học.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Cấu trúc khung chương trình đào tạo GV chuyên ngành GDTC, Trường ĐHSP HN

Cấu trúc chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD-ĐT ban hành, được thể hiện trong *bảng 1*.

Bảng 1. Cấu trúc chương trình đào tạo ngành GDTC

TT	Nội dung	Khối lượng kiến thức		
		Tổng số giờ	ĐVHT	%
1	Khối kiến thức chung	300	20	14.8
2	Khối kiến thức Nghiệp vụ sư phạm	510	34	25.2
3	Khối kiến thức cơ sở ngành	300	20	14.8
4	Khối kiến thức ngành	1470	56	41.4
5	Thực tập nghiệp vụ, khóa luận	75	5	3.8
Tổng cộng		2655	135	100

Chương trình đào tạo ngành GDTC có sự cân đối giữa kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong đó, kiến thức chung chiếm 14,8%, Kiến thức nghiệp vụ sư phạm 25,2%, kiến thức cơ sở ngành 14,8%, kiến thức ngành 41,4%. Do chương trình đào tạo ngành GDTC là ngành đào tạo GV thể dục thể thao, nên tỉ lệ phần trăm giữa các môn học thực hành là 52,2% so với các môn học lí thuyết là 48,8%. Để xác định được nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo có phù hợp với điều kiện thực tiễn cũng như đáp ứng nhu cầu xã hội, chúng tôi lấy ý kiến đánh giá của cán bộ quản lí và GgV trực tiếp giảng dạy về nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo kết quả được trình bày tại *bảng 2*.

Bảng 2 cho thấy: Hầu hết các ý kiến cán bộ quản lí và GgV đều đánh giá ở mức khá và tốt về chất lượng nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo chuyên ngành GDTC, tuy nhiên vẫn còn có một số nội dung chưa được đánh giá cao chỉ đạt loại khá và trung bình. Đây cũng là một trong những điểm cần khắc phục giúp cho chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC hoàn thiện hơn trong tương lai.

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Bảng 2. Kết quả đánh giá về nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo (n = 30)

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Nội dung chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành và nhu cầu của giáo dục phổ thông mới.	0	0	0	0	5	16,7	25	83,3
2	Nội dung chương trình đào tạo ngành GDTC được cập nhật định kỳ đáp ứng được nhu cầu của giáo dục phổ thông.	0	0	12	40	12	40	6	20
3	Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành	0	0	2	6,7	7	23,3	21	70
4	Từng môn học được sắp xếp hợp lý theo trình tự làm cơ sở cho việc tiếp thu đạt được chuẩn đầu ra	2	6,7	4	13,3	15	50	9	30
5	Chương trình đào tạo thiết kế hợp lý giữa các học phần bắt buộc và tự chọn	0	0	0	0	6	20	24	80
6	Chương trình đào tạo được sự sắp xếp hợp lý giữa các học phần và có sự logic bổ sung cho nhau	0	0	0	0	8	26,7	22	73,3
7	Chương trình đào tạo được thiết kế rõ ràng, các môn học có sự liên kết với nhau	0	0	0	0	7	23,3	23	76,7

2.2.2. Chất lượng đội ngũ giảng viên:

GgV có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, thực hiện chương trình đào tạo. Điều quan trọng là các GgV cần có kiến thức và hiểu biết sâu rộng về bộ môn mình đang phụ trách giảng dạy, có các kĩ năng cần thiết và kinh nghiệm giảng dạy để truyền đạt, trao đổi những kiến thức và hiểu biết đó cho SV một cách hiệu quả trong môi trường dạy học. Chúng tôi tiến hành thống kê trình độ chuyên môn của đội ngũ GgV Khoa GDTC - Trường ĐHSP HN trong **bảng 3** dưới đây.

Bảng 3. Trình độ đội ngũ GgV Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN (2017)

Tổng số	Kết quả thống kê									
	GS		PGS		TS		ThS		CN	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
25	0,00	0,00	01	4,00	4	16,00	20	80,00	0	0,00

Bảng 3 cho thấy trình độ GgV của khoa GDTC, Trường ĐHSP HN đã đáp ứng được chuẩn về trình độ đối với GgV của các khoa đặc thù theo yêu cầu về trình độ GgV của Trường ĐHSP HN. Có thể thấy: Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng dạy được Nhà trường quan tâm và thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ học tập nâng cao trình độ hiện nay khoa 100% cán bộ có trình độ Thạc sĩ trở lên.

Chúng tôi tiến hành lấy ý kiến đánh giá của SV về chất lượng đội ngũ GgV đang giảng dạy trực tiếp năm học 2016 - 2017 kết quả được trình bày ở **bảng 4**.

Bảng 4. Kết quả đánh giá của SV khoa GDTC về chất lượng đội ngũ GgV Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN (n = 100)

TT	Các tiêu chí đánh giá	Đánh giá							
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt	
		n	%	n	%	n	%	N	%
1	GgV có kiến thức sâu rộng về môn học	0	0	5	5	5	5	80	80
2	GgV có khả năng thị phạm động tác tốt	0	0	0	0	8	8	92	92
3	GgV đảm bảo thời gian giảng dạy trên lớp	0	0	5	5	20	20	75	75
4	GgV đảm bảo được tiến độ giảng dạy theo thời lượng chương trình	0	0	2	2	17	17	79	79
5	GgV nhiệt tình, có trách nhiệm trong giảng dạy	0	0	0	0	25	25	75	75
6	GgV có phương pháp truyền đạt rõ ràng, tạo hứng thú và khuyến khích sự say mê học tập của SV	0	0	3	3	18	18	79	79
7	GgV giải đáp những thắc mắc của SV liên quan đến môn học	0	0	12	12	13	13	75	75
8	GgV sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hiện có trong phòng học (bảng, máy chiếu,...) cũng như trong nhà tập	0	0	15	15	10	10	75	75
9	Phương pháp giảng dạy của GgV phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của SV	0	0	12	12	11	11	77	77
10	GgV khuyến khích các hoạt động hợp tác theo nhóm trong qua trình học tập	0	0	20	20	5	5	75	75
11	GgV khuyến khích SV nêu câu hỏi và bày tỏ quan điểm riêng về các vấn đề của môn học	0	0	11	11	13	13	76	76
12	GgV chú trọng phát triển kĩ năng diễn đạt, thảo luận của SV trong giờ học	0	0	0	0	22	22	78	78
13	GgV quan tâm đến phát triển kĩ năng diễn đạt và tư duy logic của SV	0	0	6	6	11	11	83	83
14	Các giờ thực hành thực sự bổ ích củng cố kĩ năng chuyên môn	0	0	4	4	10	10	86	86

Bảng 4 cho thấy hầu hết các SV đang học tập tại khoa đều đánh giá cao về chất lượng đội ngũ cán bộ, GgV của Khoa. Nội dung đánh giá liên quan đến trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm và đạo đức nghề nghiệp của GgV có từ (75% đến 95%) ở mức tốt. Như vậy SV rất hài lòng với trình độ và năng lực công tác của đội ngũ GgV trực tiếp giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTC.

2.2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Thư viện của Nhà trường có 4 tầng với đầy đủ các phòng đọc, phòng máy tính và phòng hội thảo đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của SV, nhà trường với trên 10.000 đầu sách phục vụ cho SV toàn trường, Tuy nhiên đầu sách dành cho SV chuyên ngành GDTC thì chỉ có khoảng trên 30 đầu sách và số lượng các đầu sách là khá hạn chế, chưa đảm bảo cho việc học tập nghiên cứu của SV khoa GDTC. Phòng học của nhà trường được trang bị đầy đủ bàn ghế và máy chiếu, lịch học của khoa GDTC được nhà trường bố trí theo đúng kế hoạch hàng năm. Phòng họp của khoa có diện tích trên 70m², có máy chiếu, bàn ghế tốt phục vụ cho các buổi Hội thảo, Báo cáo nghiên cứu khoa học và bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ hoặc khóa luận tốt nghiệp của SV. Đặc thù cơ sở vật chất dành cho SV chuyên ngành GDTC là dụng cụ sân bãi phục vụ cho việc học tập các môn thể thao và tập luyện ngoại khóa. Chúng tôi tiến hành thống kê cơ sở vật chất phục vụ cho học tập và tập luyện các môn thể thao được trình bày dưới đây.

Bảng 5. Thống kê sân bãi dụng cụ phục vụ đào tạo của Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN

TT	Sân bãi dụng cụ	Số lượng	Chất lượng
1	Sân điền kinh	01	Tốt
2	Sân bóng đá	01	Rất tốt
3	Bàn bóng bàn	10 bộ	Rất tốt
4	Sân bóng ném	02	Tốt
5	Sân cầu lông	04	Tốt
6	Sân bóng chuyền	02	Tốt
7	Nhà thể dục dụng cụ	02	Tốt
8	Sân bóng rổ	02	Tốt
9	Nhà thi đấu tổng hợp	01	Tốt
10	Thảm thể dục	01 bộ	Rất tốt
11	Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném, lưới bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền,	Đầy đủ	Tốt

Bảng 5 cho thấy, kết quả đánh giá chất lượng trang thiết bị cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập cho GgV và SV Khoa GDTC được nhà trường đầu tư là tốt và rất tốt đảm bảo cho công tác học tập và nghiên cứu khoa học cho SV.

2.2.4. Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà sử dụng lao động:

Chất lượng “la sự đạt được các mục tiêu và mục đích” Do đó khi xây dựng các mục tiêu đào tạo cần quan tâm đến yêu cầu của các nhà trường phổ thông đang sử dụng SV của Khoa GDTC sau khi tốt nghiệp. Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn các nhà quản lí (là hiệu trưởng, hiệu phó của các trường THPT) đang sử

dụng SV tốt nghiệp của khoa GDTC. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Kết quả đánh giá của các nhà quản lí đang sử dụng SV Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN công tác tại các Trường THPT (n = 30)

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá							
		Yếu		Trung bình		Khá		Tốt	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Khả năng vận dụng kiến thức chung trong công việc chung	0	0	0	0	4	13,3	26	86,7
2	Khả năng làm việc độc lập	2	6,7	16	53,3	8	26,7	4	13,3
3	Kĩ năng làm việc nhóm	0	0	8	26,7	9	30	13	43,3
4	Khả năng lập kế hoạch hoạt động chuyên môn	0	0	0	0	14	46,7	16	53,3
5	Kĩ năng giao tiếp	0	0	0	0	10	33,3	20	66,7
6	Năng động với môi trường làm việc	0	0	0	0	18	60	12	40
7	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành cần đối	0	0	0	0	12	40	18	60
8	Năng lực về tin học	0	0	10	33,3	6	20	14	46,7
9	Năng lực ngoại ngữ	4	13,3	16	53,3	8	26,7	2	6,7
10	Năng lực nghiên cứu khoa học	2	6,7	8	26,7	8	26,7	10	33,3
11	Phẩm chất đạo đức và quan hệ quần chúng	0	0	0	0	10	33,3	20	66,7
12	Trách nhiệm trong chuyên môn	0	0	0	0	8	26,7	22	73,3
13	Tinh thần cầu thị trong chuyên môn	0	0	0	0	10	33,3	20	66,7
14	Tác phong, trang phục làm việc	0	0	0	0	14	46,7	16	53,3
15	Trách nhiệm với đồng nghiệp	0	0	0	0	12	40	18	60
16	Chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước	0	0	0	0	4	13,3	26	86,7
17	Được định hướng nghề nghiệp	0	0	0	0	6	20	24	80

Kết quả phỏng vấn cho thấy có từ 75% đến 85% ý kiến đánh giá của các nhà quản lí ở mức khá và tốt đối với năng lực công tác của SV. Tuy nhiên, các GV trẻ còn bộc lộ một số hạn chế như: Khả năng làm việc độc lập; Khả năng về ngoại ngữ và tin học; Kiến thức về lí luận trong công tác nghiên cứu khoa học còn hạn chế (33% đến 60% ý kiến đánh giá ở mức độ yếu và trung bình). Do vậy, cần có những giải pháp khắc phục những tồn tại trên cho SV trong quá trình đào tạo.

2.2.5. Kết quả đầu ra:

Để có kết quả chính xác về số lượng SV ra trường, chúng tôi tiến hành thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp hàng năm của khoa GDTC. Tính cho đến thời hiện nay khoa đã có 5 khóa tốt nghiệp ra trường (Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ (Chương trình hiện hành)); Kết quả thống kê được trình bày cụ thể tại bảng 7.

Bảng 7. Thống kê số lượng SV tốt nghiệp (học theo chương trình hiện hành) của các khóa đã ra trường của Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN

TT	Khóa	Số lượng SV chưa TN		Số lượng SV đã tốt nghiệp								Tổng số		
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB khá		TB				
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
1	K59	1	5	0	0	1	5	18	90,0	0	0	0	0	20
2	K60	3	4,6	0	0	22	34,3	39	60,1	0	0	0	0	64
3	K61	8	9,4	0	0	24	28,2	53	62,4	0	0	0	0	85
4	K62	12	14,5	0	0	17	23,3	44	60,2	0	0	0	0	73
5	K63	4	8,2	0	0	8	16,3	37	75,5	0	0	0	0	49

Bảng 7 cho thấy tỉ lệ SV chưa được tốt nghiệp so với các bạn cùng khóa chiếm từ 5 đến 14% số lượng SV của khóa (các khóa 5 năm trở lại đây), chủ yếu là những SV điều kiện gia đình khó khăn thường xuyên bỏ học đi làm thêm. Do vậy, đã kiến nghị với Khoa và Nhà trường cần có những biện pháp giúp SV có điều kiện vừa học vừa làm. Như vậy có thể thấy rằng chương trình đào tạo của khoa GDTC - Trường ĐHSP HN đã đáp ứng được mục tiêu đào tạo của nhà trường.

2.2.6. Kết quả đánh giá chương trình đào tạo.

Để đánh giá về chương trình đào tạo GV chuyên ngành GDTC đề tài đã tiến hành phỏng vấn 30 cán bộ quản lý và GgV về chương trình hiện hành của Khoa GDTC Trường ĐHSP HN. Kết quả được trình bày ở **bảng 8**.

Kết quả **bảng 8** cho thấy điểm đánh giá chung cho toàn bộ chương trình đạt 4.24 điểm, cho thấy các tiêu chí trên đạt ở mức trung bình và dưới trung bình (3,5); những tiêu chí này cần phải được Khoa GDTC và Nhà trường cải tiến trong thời gian tới đây để đảm bảo chất lượng đào tạo. Đặc biệt có tiêu chuẩn Kỹ năng các môn thể thao chuyên ngành thì các tiêu

Bảng 8. Kết quả đánh giá thực trạng chương trình đào tạo GV TDTT của Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN (n = 30)

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm						
		1	2	3	4	5	6	7
1.	Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra)							
1.1	Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với chuẩn đầu ra và yêu cầu của nhà trường phổ thông			6	15	7	2	
1.2	Chương trình đào tạo được xây dựng giúp cho SV phương pháp học tập và thói quen học tập suốt đời.	2	7	12	8	1		
1.3	Chuẩn đầu ra của chương trình xác định rõ các chuẩn mực về kiến thức, kĩ năng, thái độ mà người tốt nghiệp cần đạt được			8	12	8	2	
Điểm trung bình		4.35						
2.	Chương trình đào tạo chi tiết							
2.1	Chương trình chi tiết nêu rõ kết quả học tập mong đợi và cách thức đạt được kết quả học tập mong đợi			3	9	15	3	
2.2	Thời lượng chương trình phù hợp với nội dung xây dựng		2	12	15	1		
Điểm trung bình		4.77						
3.	Nội dung và cấu trúc của chương trình							
3.1	Chương trình đảm bảo sự cân đối giữa các khối kiến thức chung, nghiệp vụ sư phạm, cơ sở, chuyên ngành và các kĩ năng cần thiết.		4	12	11	3		
3.2	Sự đóng góp của từng môn học cho việc đạt được Chuẩn đầu ra được thể hiện rõ ràng		5	10	10	5		
3.3	Chương trình thể hiện rõ học phần cơ bản, học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành và thực tập sư phạm và luận văn tốt nghiệp			17	10	3		
Điểm trung bình		3.48						
4.	Kiểm tra đánh giá người học							
4.1	Đánh giá người học bao gồm: đánh giá đầu vào, đánh giá theo quá trình và đánh giá đầu ra.			4	4	19	3	
4.2	Đánh giá dựa trên các tiêu chí chương trình			6	5	19		
4.3	Việc đánh giá phản ánh yêu cầu của chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình đào tạo		2	3	17	8		
4.4	Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá rõ ràng và được công khai tới người học		2	4	19	5		
4.5	Kết quả học tập được công bố kịp thời, chính xác đến người học và đảm bảo tính bảo mật và tin cậy cao			3	7	20		
Điểm trung bình		4.58						
5.	Ý kiến phản hồi từ Nhà sử dụng							
5.1	Ý kiến phản hồi từ người học và cựu SV được thu thập hàng năm.		15	5	10			
5.2	Ý kiến phản hồi từ đội ngũ cán bộ, chuyên gia và GgV được thu thập đầy đủ và có hệ thống		14	5	11			
Điểm trung bình		2.86						
6.	Kết quả đầu ra							
6.1	Tỉ lệ SV tốt nghiệp tỉ lệ thời học ở mức chấp nhận được.				15	12	3	
6.2	Thời gian tốt nghiệp trung bình là hợp lí			3	15	12		
6.3	SV tốt nghiệp tỉ lệ có việc làm là chấp nhận được		4	7	7	12		
Điểm trung bình		4.43						
7.	Kĩ năng môn thể thao chuyên ngành							
7.1	Kĩ năng cơ bản môn thể thao chuyên ngành					6	6	18
7.2	Kĩ năng giảng dạy, huấn luyện kĩ-chiến thuật môn thể thao chuyên ngành					9	15	6
7.3	Kĩ năng giảng dạy, huấn luyện thể lực môn thể thao chuyên ngành					12	16	2
7.4	Kĩ năng giảng dạy, huấn luyện tâm lí môn thể thao chuyên ngành					7	21	2
7.5	Kĩ năng tổ chức thi đấu và trọng tài môn thể thao chuyên ngành					6	20	4
Điểm trung bình		5.89						
Đánh giá chung cho toàn bộ CTĐT		4.24						

(Xem tiếp trang 60)

vực và thế giới. Với những khó khăn ban đầu đặt ra cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục của các trường đại học, đến nay vấn đề này vẫn còn đang được thực hiện thận trọng để đảm bảo vừa phát huy được những thế mạnh của giáo dục đại học Việt Nam gần 70 năm qua, đồng thời cũng từng bước khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong cơ chế kinh tế thị trường. Khi hội nhập với khu vực và thế giới, công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học cần phải được tuân thủ theo các tiêu chí do quốc tế đặt ra. Điều này không phải đơn giản khi mà các tiêu chí quốc tế được xây dựng và đặt ra những yêu cầu rất cụ thể, lượng hóa cách đánh giá đối với từng lĩnh vực, từng vấn đề từ hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, kĩ thuật, công nghệ, cho đến chất lượng của quá trình thiết kế xây dựng chương trình đào tạo, quá trình dạy học, hệ thống phương pháp, các nguồn lực... Đây rõ ràng là một thách thức không nhỏ cho các cơ sở giáo dục, các trường đại học khi tiến tới thực hiện việc kiểm định, đánh giá chất lượng thông qua hệ thống định chuẩn quốc tế và được kiểm định bởi các tổ chức độc lập.

3. Kết luận

Để cải tiến chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, có nhiều việc cần phải làm bởi giáo dục liên quan trực tiếp đến nhân tố con người nên không thể vội vàng, trong đó cần phải hết sức chú ý một số vấn đề như: Tự chủ trong đào tạo phải đảm bảo chất lượng đầu ra; đẩy mạnh nghiên

cứu khoa học, gắn chặt hơn nữa việc dạy và học của các trường đại học với cuộc sống, với thị trường lao động. Đồng thời, nâng cao chất lượng về cơ sở hạ tầng, đội ngũ giảng viên, chương trình giảng dạy và cả tiêu chuẩn đầu vào, đầu ra của sinh viên; chú trọng đúng mức đào tạo ngoại ngữ và tin học cho cả giảng viên và sinh viên đại học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Quốc hội (2012). *Luật Giáo dục Đại học*. Luật số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 12/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lí giáo dục đại học giai đoạn 2010 - 2012*.
- [4] Bộ GD-ĐT (2006). *Báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết 14 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010*.
- [5] Phạm Đức Chính (2009). *Vai trò quản lí nhà nước trong giáo dục đại học - Góc nhìn từ lí thuyết kinh tế hiện đại*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Viện Khoa giáo dục Việt Nam (2016). *Đổi mới giáo dục Việt Nam và khu vực châu Á chia sẻ kinh nghiệm và bài học thực tiễn*, Hội thảo khoa học giáo dục, ngày 29/6/2016.
- [7] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017). *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thời cơ và thách thức với Việt Nam*. NXB Lí luận chính trị.

Đánh giá thực trạng đào tạo...

(Tiếp theo trang 64)

chí trong tiêu chuẩn này được đánh giá ở mức tốt 5.825 đây là ưu điểm của chương trình.

3. Kết luận và kiến nghị

Chương trình đào tạo GV chuyên ngành GDTC của Khoa GDTC, Trường ĐHSP HN đạt 4.25 điểm/7 điểm, các tiêu chí trên đạt ở mức trung bình. Tuy nhiên còn có một số tiêu chí, chỉ đạt ở mức trung bình và dưới trung bình, những tiêu chí này cần phải có những giải pháp để cải tiến như: Xây dựng chuẩn đầu ra chưa lấy ý kiến từ các chuyên gia ngoài trường, nhà sử dụng lao động và cựu SV; Kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra) trình độ ngoại ngữ và tin học của SV còn hạn chế; Chương trình đào tạo theo hình thức học tín chỉ, chưa thích hợp thực hiện đào tạo liên thông dọc và liên thông ngang giữa nhiều ngành học do số lượng SV thi vào khoa

ngày một ít, khó có thể tổ chức đào tạo theo tín chỉ đúng quy định; Chương trình đào tạo chưa bám sát vào chương trình phổ thông mới do vậy việc điều chỉnh hay cập nhật bị hạn chế cần được đổi mới trong thời gian tới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành tại Quyết định số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014.
- [2] Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (2008). *Bộ tiêu chí tự đánh giá cấp chương trình đào tạo*.
- [3] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2012). *Khung chương trình chuyên ngành Sư phạm Thể dục thể thao*.
- [4] Nguyễn Toán - Phạm Danh Tồn (2000). *Lí luận và phương pháp thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao.
- [5] Đồng Văn Triệu - Lê Anh Thơ (2006). *Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường học*. NXB Thể dục thể thao.
- [6] Nguyễn Đức Văn (2000). *Phương pháp thống kê trong Thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao.